

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BYT-DP
V/v chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện
Dự án ADB.84.

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh thuộc Dự án “An ninh y tế khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng” do Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) tài trợ (có danh sách 36 tỉnh kèm theo)

Bộ Y tế và UBND các tỉnh đang thực hiện Dự án “An ninh y tế khu vực Tiểu vùng Mê Công mở rộng”, vay vốn Ngân hàng Phát triển Châu Á (Dự án ADB.84) theo Quyết định số 692/QĐ-TTg ngày 27/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên, theo báo cáo của Ban QLDA Trung ương, đến nay tiến độ triển khai dự án còn rất chậm; Bộ Y tế đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh thuộc dự án khẩn trương thực hiện các nội dung sau:

1. Về công tác tổ chức:

a) Thành lập Ban chỉ đạo dự án tỉnh do đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban, Giám đốc Sở Y tế làm Phó trưởng ban thường trực, Giám đốc Sở Tài chính và Sở Kế hoạch Đầu tư làm phó trưởng ban, và các thành viên trong đó có Chủ tịch UBND các huyện thụ hưởng Dự án để đẩy nhanh tiến độ, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn vay ưu đãi đồng thời nâng cao năng lực phòng chống dịch bệnh của các cơ sở y tế;

b) Rà soát kiện toàn lại Ban QLDA tỉnh: Đồng chí Giám đốc Sở Y tế trực tiếp làm Giám đốc BQLDA tỉnh.

2. Đối với 8/36 tỉnh thụ hưởng dự án hiện chưa có Quyết định ban hành định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế theo Thông tư 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế và 18/36 tỉnh đã có Quyết định ban hành định mức nhưng chưa đầy đủ (*danh sách các tỉnh kèm theo*), đề nghị UBND tỉnh khẩn trương ban hành Quyết định và gửi về cho Bộ Y tế (Ban QLDA ADB.84 Trung ương) trước ngày 30/4/2021. Sau ngày 30/4/2021 Bộ Y tế không nhận được Quyết định phê duyệt định mức của tỉnh thì được xem như tỉnh không có nhu cầu cung cấp trang thiết bị và phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về nội dung này.

3. Chủ động bố trí đủ vốn đối ứng từ nguồn ngân sách địa phương để thực hiện các hoạt động dự án, đảm bảo chi trả các khoản thuế, phí và các chi phí khác (gồm các khoản kinh phí thuê tư vấn lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán, báo cáo kinh tế kỹ thuật... cho gói thầu sửa chữa nhỏ để bảo đảm đủ điều kiện tiếp nhận và sử dụng các trang thiết bị được đầu tư từ dự án) theo đúng quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 5 của Nghị định 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về việc quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài quy định “Vốn

vay ODA, vay ưu đãi được sử dụng cho chi đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên. **Không sử dụng vốn vay nước ngoài để nộp thuế, trả các loại phí, lãi suất tiền vay, mua sắm ô tô (trừ ô tô chuyên dụng được cấp có thẩm quyền quyết định), vật tư, thiết bị dự phòng cho quá trình vận hành sau khi dự án hoàn thành; chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí hoạt động của Ban Quản lý dự án”.**

4. Căn cứ khả năng ngân sách của địa phương, chủ động bố trí ngân sách bổ sung để sửa chữa, nâng cấp khoa, phòng chuyên môn tại các Trung tâm y tế huyện để sẵn sàng tiếp nhận những trang thiết bị của Dự án (phê duyệt Dự án riêng và quyết toán từ nguồn ngân sách của địa phương).

5. Chỉ đạo UBND các huyện thụ hưởng dự án đẩy nhanh tiến độ thực hiện các hoạt động của dự án theo nhiệm vụ được giao cụ thể: (i) Tăng cường giám sát và đáp ứng phòng chống dịch, bệnh, đặc biệt dịch COVID-19; (ii) Quản lý và sử dụng hiệu quả trang thiết bị được đầu tư từ nguồn dự án; (ii) Đảm bảo chất lượng xét nghiệm và an toàn sinh học; (iii) Thực hiện quan trắc chất thải bệnh viện theo đúng quy định tại Thông tư số 31/2013/TT-BYT ngày 15/10/2013 của Bộ Y tế quy định về quan trắc tác động môi trường từ hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của bệnh viện.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c PTT.Vũ Đức Đàm (đề b/c);
- Đ/c Bộ trưởng (đề b/c);
- Các đ/c Thứ trưởng;
- Vụ KHTC;
- BQLDA ADB.84;
- Sở Y tế 36 tỉnh DA;
- Lưu: VT, DP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đỗ Xuân Tuyên

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ BAN HÀNH ĐỊNH MỨC TRẠNG THIẾT BỊ

(Kèm theo công văn số: /BYT-DP ngày tháng 4 năm 2021)

STT	Tỉnh	QĐ định mức TTB các huyện		Đã ban hành QĐ định mức TTB cửa khẩu	Đề nghị ban hành định mức TTB các huyện
		Đã ban hành nhưng chưa đầy đủ danh mục TTB cấp	Chưa ban hành		
1	An Giang	x			Đề nghị cấp bổ sung định mức TTB
2	Bắc Giang				
3	Bắc Kạn	x			Đề nghị cấp bổ sung định mức TTB
4	Bạc Liêu				
5	Bình Phước		x		Đề nghị cấp định mức TTB
6	Cao Bằng	x			Đề nghị cấp bổ sung định mức TTB
7	Đắk Lắk	x			Đề nghị cấp bổ sung định mức TTB
8	Đắk Nông	x			Đề nghị cấp bổ sung định mức TTB
9	Điện Biên	x			Đề nghị cấp bổ sung định mức TTB
10	Gia Lai				
11	Hà Giang	x		x	Đề nghị cấp bổ sung định mức TTB
12	Hà Nam		x		Đề nghị cấp định mức TTB
13	Hà Tĩnh	x			Đề nghị cấp bổ sung định mức TTB
14	Hòa Bình		x		Đề nghị cấp định mức TTB
15	Kiên Giang				
16	Kon Tum	x			Đề nghị cấp bổ sung định mức TTB
17	Lai Châu			x	
18	Lâm Đồng	x			Đề nghị cấp bổ sung định mức TTB

STT	Tỉnh	QĐ định mức TTB các huyện		Đã ban hành QĐ định mức TTB cửa khẩu	Đề nghị ban hành định mức TTB các huyện
		Đã ban hành nhưng chưa đầy đủ danh mục TTB cấp	Chưa ban hành		
19	Lạng Sơn	x			Đề nghị cấp bổ sung định mức TTB
20	Lào Cai			x	
21	Nam Định				
22	Nghệ An	x			Đề nghị cấp bổ sung định mức TTB
23	Ninh Bình				
24	Ninh Thuận	x			Đề nghị cấp bổ sung định mức TTB
25	Phú Thọ	x			Đề nghị cấp bổ sung định mức TTB
26	Quảng Bình	x			Đề nghị cấp bổ sung định mức TTB
27	Quảng Nam		x		Đề nghị cấp định mức TTB
28	Quảng Ngãi		x		Đề nghị cấp định mức TTB
29	Quảng Ninh		x		Đề nghị cấp định mức TTB
30	Quảng Trị		x		Đề nghị cấp định mức TTB
31	Sơn La	x			Đề nghị cấp bổ sung định mức TTB
32	Tây Ninh		x		Đề nghị cấp định mức TTB
33	Thanh Hóa	x			Đề nghị cấp bổ sung định mức TTB
34	Vĩnh Long				
35	Vĩnh Phúc	x			Đề nghị cấp bổ sung định mức TTB
36	Yên Bái				
	Tổng cộng	18	8	3	

DANH SÁCH GỬI CÔNG VĂN

(Kèm theo Công văn số /BYT-DP, ngày /4/2021 của Bộ Y tế)

STT	UBND TỈNH
1.	An Giang
2.	Bạc Liêu
3.	Bắc Giang
4.	Bắc Kạn
5.	Bình Phước
6.	Cao Bằng
7.	Đắk Lắk
8.	Đắk Nông
9.	Điện Biên
10.	Gia Lai
11.	Hà Giang
12.	Hà Nam
13.	Hà Tĩnh
14.	Hòa Bình
15.	Kiên Giang
16.	Kon Tum
17.	Lai Châu
18.	Lạng Sơn
19.	Lào Cai
20.	Lâm Đồng
21.	Nam Định
22.	Ninh Bình
23.	Ninh Thuận
24.	Nghệ An
25.	Phú Thọ
26.	Quảng Bình
27.	Quảng Nam
28.	Quảng Ninh
29.	Quảng Ngãi
30.	Quảng Trị
31.	Sơn La
32.	Tây Ninh
33.	Thanh Hóa
34.	Vĩnh Long
35.	Vĩnh Phúc
36.	Yên Bái